

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ QUẢN LÝ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG SUẤT CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH MAY

Trần Thị Kim Loan, Bùi Nguyên Hùng
Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Hiện nay, trong môi trường cạnh tranh hòa nhập và toàn cầu hóa về kinh tế, năng suất là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế của một quốc gia, một ngành và trong từng doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển, năng suất lao động được coi là yếu tố quan trọng nhất.

Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về năng suất và các yếu tố tác động đến nó trên các góc độ và quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu trước đây đều tập trung ở các nước phát triển với những điều kiện rất khác biệt so với các nước đang phát triển như Việt Nam. Mặt khác, trong các nghiên cứu thực nghiệm trước đây, các tác giả đã đưa ra danh sách những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp dựa vào kết quả của các nghiên cứu trước đó mà chưa đưa ra một mô hình lý thuyết.

Bài viết này sẽ trình bày ba nội dung. Phần một, nghiên cứu lý thuyết có liên quan, trên cơ sở đó đề xuất một mô hình lý thuyết, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp. Phần hai, trình bày kết quả nghiên cứu định tính về các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất đối với các doanh nghiệp ngành dệt may ở Thành phố Hồ Chí Minh và cuối cùng đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo để kiểm định mô hình lý thuyết.

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, trong môi trường cạnh tranh hòa nhập và toàn cầu hóa về kinh tế, năng suất là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế của một quốc gia, một ngành và trong từng doanh nghiệp (Steenhuis & Bruijn, 2006). Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển, năng suất lao động được coi là yếu tố quan trọng nhất (Sauian, Chapman & Al-Khawaldeh, 2002). Đo lường năng suất là một công cụ quan trọng để đánh giá toàn bộ kết quả của một doanh nghiệp

thông qua các hoạt động sản xuất (Chen & Liaw, 2001). Từ nhiều năm qua, vấn đề năng suất đã được đem ra thảo luận, phân tích và đã có một số nghiên cứu về năng suất và các yếu tố ảnh hưởng đến nó trên những góc độ và quan điểm khác nhau (Hoffman & Mehra, 1999). Các yếu tố quản lý có ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp đã được đề cập đến trong các nghiên cứu trước đây như: Sự quan tâm của quản lý cấp cao, nguồn nhân lực, văn hóa doanh nghiệp, quản lý sản xuất,

hướng đến khách hàng. Tuy nhiên các yếu tố này được nghiên cứu riêng rẽ, độc lập tùy theo mục tiêu, thời gian, nguồn lực của nhà nghiên cứu. Do đó, bài viết này sẽ tập trung vào ba nội dung chính. Thứ nhất, nghiên cứu lý thuyết có liên quan, trên cơ sở đó đề xuất một mô hình lý thuyết, nghiên cứu đồng thời các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp một cách toàn diện hơn. Thứ hai, trình bày kết quả nghiên cứu định tính về các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất đối với các doanh nghiệp ngành dệt may ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cuối cùng, đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo để kiểm định mô hình lý thuyết.

2. LÝ THUYẾT VỀ NĂNG SUẤT

Nhà kinh tế học Adam Smith (1723 – 1790) là tác giả đầu tiên đưa ra thuật ngữ năng suất (productivity) vào năm 1776, trong một bài báo nói về hiệu quả sản xuất phụ thuộc vào số lượng lao động và khả năng sản xuất của lao động. Trong một nghiên cứu khác của Sumanth (1997), cho rằng thuật ngữ năng suất đầu tiên được một nhà toán học người Pháp là Quesney đề cập đến trong một bài báo vào năm 1766. Đến năm 1883, một người Pháp khác là Littre định nghĩa năng suất là “khả năng sản xuất”. Sau đó thuật ngữ này được sử dụng khá thường xuyên khi phân tích các vấn đề về kinh tế.

Có khá nhiều định nghĩa về năng suất trên những góc độ và quan điểm khác nhau. Khái niệm năng suất thay đổi, mở rộng theo thời gian và theo sự phát triển của quản lý sản xuất. Tangen (2005), đã tổng kết định nghĩa năng suất của nhiều nhà nghiên cứu (bảng 1), và kết luận: năng suất là một thuật ngữ có nghĩa rộng, ý nghĩa của nó có thể thay đổi tùy thuộc vào phạm vi sử dụng.

Bảng 1. Định nghĩa năng suất – Tangen (2005)

<i>Định nghĩa</i>	<i>Tham khảo</i>
Năng suất = Khả năng sản xuất	(Littre, 1883)
Năng suất là tỷ số giữa đầu ra trên một trong các yếu tố sản xuất: Năng suất vốn, năng suất đầu tư, năng suất nguyên vật liệu...	(The Organization for European Economic Cooperation - OEEC, 1950)
Năng suất là những điều mà con người có thể đạt đến với nguyên vật liệu, vốn và công nghệ. Năng suất là một sự cải tiến liên tục.	(Japan Productivity Center - JPC, 1958)
Năng suất biểu hiện khả năng của các yếu tố sản xuất, lao động và vốn trong việc tạo ra giá trị.	(The British Institute of Management Foundation - BIM, 1976)
Khả năng tạo lợi nhuận = Năng suất x Giá	(American Productivity Center - APC, 1979)
Năng suất = Số đơn vị đầu ra/Số đơn vị đầu vào	(Chew, 1988)
Năng suất = Đầu ra thực tế/ Nguồn lực đã sử dụng	(Sink & Tuttle, 1989)
Năng suất là một sự so sánh các đầu vào với đầu ra của một phân xưởng sản xuất.	(Kaplan & Cooper, 1989)

<i>Định nghĩa</i>	<i>Tham khảo</i>
Năng suất = Tổng thu nhập/(Chi phí + Lợi nhuận kỳ vọng)	(Fisher, 1990)
Năng suất = Giá trị gia tăng/Đầu vào của các yếu tố sản xuất.	(Aspen <i>et al.</i> , 1991)
Năng suất là tỷ số giữa số sản phẩm được sản xuất và nguồn lực cần thiết để sản xuất nó. Năng suất đo lường mối quan hệ giữa đầu ra như sản phẩm, dịch vụ và các đầu vào bao gồm lao động, vốn, nguyên vật liệu và các đầu vào khác.	(Hill, 1993)
Năng suất là yếu tố chính quyết định chất lượng cuộc sống.	(Thurow, 1993)
Năng suất là tỷ số giữa đầu ra (sản phẩm hay dịch vụ) và đầu vào (vốn, lao động, nguyên vật liệu, năng lượng và các đầu vào khác)	(Mohanty & Yadav, 1994)
Định nghĩa năng suất bao gồm lợi nhuận, hiệu suất, hiệu quả, giá trị, chất lượng, sự đổi mới và chất lượng cuộc sống.	(Smith, 1995)
Năng suất là việc sử dụng các nguồn lực của một tổ chức, một ngành, hay một quốc gia để đạt đến kết quả mong muốn. Năng suất là tỷ số giữa đầu ra và đầu vào. Tăng năng suất khi chúng ta tạo nhiều đầu ra hơn với cùng một lượng đầu vào hoặc sản xuất cùng một lượng đầu ra với đầu vào ít hơn.	(Baines, 1997)
Năng suất là việc sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Nếu chúng ta sản xuất được nhiều sản phẩm hơn từ một nguồn lực như nhau, chúng ta tăng năng suất. Hay là sản xuất được cùng số lượng sản phẩm với một nguồn lực ít hơn,	(Bernolak, 1997)

<i>Định nghĩa</i>	<i>Tham khảo</i>
chúng ta cũng tăng năng suất. Nguồn lực bao gồm cả nguồn lực vật chất và con người.	
Năng suất liên quan đến việc sử dụng các đầu vào trong quá trình sản xuất sản phẩm/dịch vụ.	(Stainer, 1997)
Năng suất =Đầu ra/Đầu vào	(Rolstadas, 1998)
Năng suất = Đầu ra/Đầu vào = Thunhập/(Lao động + Các chi phí khác)	(Hodgkinson, 1999)
Năng suất = Hiệu suất * Hiệu quả = Thời gian tạo ra giá trị gia tăng/Tổng thời gian thực hiện quá trình	(Jackson & Petersson, 1999)
Năng suất đề cập đến quá trình chuyển đổi các nguồn lực một cách có hiệu quả và hiệu suất thành các đầu ra cần thiết.	(Mohanty & Deshmukh, 1999)
Năng suất =(Đầu ra/Đầu vào)*Chất lượng = Hiệu suất * Giá trị sử dụng * Chất lượng	(Al-Darrab, 2000)
Năng suất là việc đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách chuyển đổi đầu vào thành đầu ra ở mức chi phí thấp nhất. Như vậy, năng suất liên quan đến cả hiệu suất và hiệu quả.	(Robbins, 2001)
Năng suất là khả năng thỏa mãn những nhu cầu của thị trường bằng việc sử dụng ít nhất các nguồn lực.	(Moseng & Rolstadas, 2001)
Năng suất = Đầu ra/Đầu vào = Sản phẩm + Dịch vụ)/(Lao động + Nguyên vật liệu)	(Sauian, 2002)
Năng suất là sự chú ý đến nhu cầu và mong muốn của khách hàng để thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn đó.	(McKee, 2003)
Năng suất là hiệu quả của các yếu tố sản xuất, lao động và vốn trong việc tạo ra giá trị.	(Bheda, Narag & Singla, 2003)

<i>Định nghĩa</i>	<i>Tham khảo</i>
Định nghĩa năng suất đơn giản nhất đó là tỷ số giữa đầu ra và đầu vào. Tuy nhiên các thành phần của đầu ra, đầu vào có thể thay đổi. Năng suất phản ánh khả năng sản xuất của một doanh nghiệp.	(Grunberg, 2004)
Năng suất = Đầu ra/Đầu vào = Kết quả (số tiền thu được)/Chi phí	(Voordt, 2004)
Trong sản xuất, năng suất có mối tương quan với tổng doanh thu và có tác động đến lợi nhuận của doanh nghiệp.	(Appelbaum, 2005)

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng định nghĩa năng suất được nhiều người thừa nhận và sử dụng rộng rãi nhất, liên quan đến cả hai khía cạnh: định tính và định lượng.

$$\text{Định lượng: Năng suất} = \frac{\text{Đầu ra}}{\text{Đầu vào}}$$

$$\text{Định tính: Năng suất} = \text{Hiệu suất} * \text{Hiệu quả}$$

Định nghĩa định lượng được sử dụng như là một cơ sở để đo lường kết quả, với mục đích chính là cải tiến năng suất. Định nghĩa định tính bao gồm cả tính hiệu quả và hiệu suất. Năng suất cao là việc sử dụng tối ưu các nguồn lực để sản xuất sản phẩm ở mức chi phí thấp nhất có thể được và cung cấp cho khách hàng đúng lúc, giá cả cạnh tranh với chất lượng mà họ mong muốn.

Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về năng suất và các yếu tố ảnh hưởng đến nó trên các góc độ và quan điểm khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày tóm tắt kết quả của 22 nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về các yếu tố có ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp đã được thực hiện cho đến nay (bảng 2).

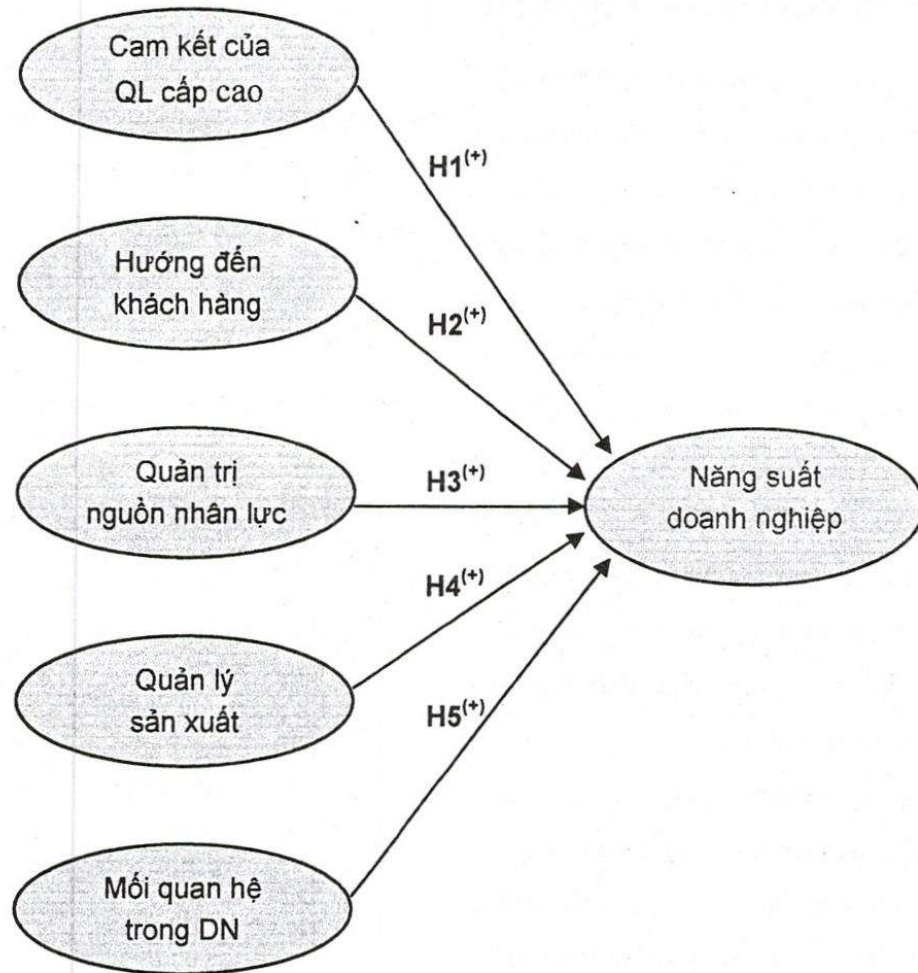
Kết quả các nghiên cứu trước trong bảng 2 cho thấy, có 5 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp, đó là: Sự cam kết của quản lý cấp cao, hướng đến khách hàng, quản lý sản xuất, quản trị nguồn nhân lực và mối quan hệ trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, các nhóm yếu tố này được nghiên cứu tương đối độc lập. Về số nhóm yếu tố được nghiên cứu đồng thời, đa số các nghiên cứu trước (14/22 nghiên cứu) chỉ tập trung vào từ 1-2 nhóm yếu tố như quản lý sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, mối quan hệ trong doanh nghiệp. Trong các nghiên cứu trước chúng tôi đã tham khảo chỉ có nghiên cứu của APO (2000) đề cập đến cả 5 nhóm yếu tố, nhưng nghiên cứu này chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu lý thuyết. Với các lý do trên, bài viết này đề xuất một mô hình nghiên cứu đồng thời 5 nhóm yếu tố nhằm tìm ra mối liên hệ có thể có giữa các nhóm yếu tố trên cũng như mức độ đóng góp của từng nhóm yếu tố đối với năng suất doanh nghiệp.

Bảng 2. Những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp

Những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất DN	Nghiên cứu ở các nước phát triển											Nghiên cứu ở các nước đang phát triển										
	1995 Steiner	1997 Baines	1998 Park & Miller	1998 Savery	1999 Gyan-Baffour	1999 Schultz, Juran & Boudreau	1999 Golhar & Deshpande	1999 Hoffman & Mehra	2000 APO	2001 McKone, Schroeder & Cua	2001 Raiman	2002 Chapman & Al-Khawaldeh	2004 Burton, Laundson & Obel	2005 Appelbaum	2001 Chen & Liaw	2002 Saulian	2003 Chen, Liaw & Lee	2003 Khan	2003 Bheda, Narag & Singla	2005 Politis	2006 Steenhuis & Bruijn	2006 Chen & Liaw
Sự cam kết của quản lý cấp cao																						
Sự quan tâm và cam kết của lãnh đạo								x			x											
Thiết lập mục tiêu rõ ràng			o								x											
Cải tiến liên tục								x			x						o					
Khuyến khích của quản lý cấp cao																				x		
Kiểm soát tài chính									x													
Kiểm soát hệ thống thông tin									x													
Sự phối hợp giữa các bộ phận trong DN								x	o													
Cung cấp các nguồn lực đầy đủ				x																	x	
Mức độ tập trung quyền lực																				x	x	
Bảo vệ môi trường									o													
Hướng đến khách hàng																						
Giá cả sản phẩm									o													
Giao hàng đúng hạn				x						x												
Dịch vụ đi kèm									o													
Chất lượng sản phẩm				x					o	x						o						
Thời gian đáp ứng đơn hàng										x									x			
Quản lý sản xuất																						
Điều kiện làm việc (vật lý)				x																	x	
Tổ chức công việc theo khoa học												x							x			
Quản lý chất lượng toàn diện							x			x	x	x					o					
ISO 9000											x	x										
Kế hoạch sản xuất								x							x							
Công nghệ sản xuất				x				x	o										x			
Đổi mới									o													
Năng lực quản lý sản xuất								x							x	o						x
Kiểm soát chất lượng bằng thống kê											x											
Quy mô sản xuất												x										
Loại sản phẩm, mức giá và sản lượng																			x			
Tỷ lệ sản phẩm làm lại				x															x			
Quản trị nguồn nhân lực																						
Thiết kế công việc					x																	
Giáo dục và đào tạo								x	o			x							x			
Chính sách khuyến khích, khen thưởng								x	o								x		x			
Thu nhập của người lao động									o													x
Thu hút nguồn nhân lực									o								x					
Phát triển nguồn nhân lực									o							x	x					
Duy trì nguồn nhân lực									o							x						
Công nhân thành tích									o													
Động cơ thúc đẩy nhân viên																x				x	x	
Tỷ lệ luân chuyển lao động																				x		
Sự thỏa mãn nghề nghiệp																x						
Sự thử thách trong công việc																					x	
Mối quan hệ trong doanh nghiệp																						
Mối quan hệ giữa quản lý - nhân viên		o							x	o										x		
Sự tham gia và hợp tác của nhân viên		o	o		x	x	x			o												
Sự truyền thông trong doanh nghiệp			o						x			x		x								
Thái độ làm việc của công nhân				x																		
Tự quản lý và kiểm soát công việc																					x	
Trách nhiệm đối với công việc																						x
Sự cộng tác và làm việc nhóm							x		o												x	
Môi trường làm việc									o													
Sự xung đột																						
Áp lực trong công việc																						
Phản ứng lại với sự thay đổi																						
Các trở ngại trong doanh nghiệp																						x
Quan điểm đối với thời gian																						x

Ghi chú: o ký hiệu cho nghiên cứu lý thuyết
x ký hiệu cho nghiên cứu thực nghiệm

MÔ HÌNH LÝ THUYẾT



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề nghị

Các giả thuyết

Dựa vào nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu định tính, các giả thuyết (H – Hypothesis) về mối liên hệ giữa các nhóm yếu tố với năng suất doanh nghiệp được đề nghị cho bước nghiên cứu định lượng tiếp theo như sau:

H1: Mức độ quan tâm của quản lý cấp cao càng cao thì năng suất doanh nghiệp sẽ càng cao.

H2: Mức độ hướng đến khách hàng càng cao thì năng suất doanh nghiệp sẽ càng cao.

H3: Hệ thống quản trị nguồn nhân lực càng tốt thì năng suất doanh nghiệp sẽ càng cao.

H4: Hệ thống quản lý sản xuất càng tốt thì năng suất doanh nghiệp sẽ càng cao.

H5: Mối quan hệ trong doanh nghiệp càng tốt thì năng suất doanh nghiệp sẽ càng cao.

3.KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Các nghiên cứu trước được thực hiện ở nhiều quốc gia và trong nhiều ngành sản xuất. Tùy theo điều kiện của từng quốc gia và đặc thù từng ngành, các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp có khác nhau. Do đó, sau khi tóm tắt kết quả của các nghiên cứu trước và đề nghị mô hình lý thuyết, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu định tính ở Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu chính của nghiên cứu này là điều chỉnh và bổ sung các yếu tố cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam và đặc thù của ngành may.

Trong nghiên cứu định tính, tám cuộc phỏng vấn sâu với các chuyên gia và nhà quản lý có kinh nghiệm làm việc nhiều năm trong ngành dệt may được thực hiện. Dựa vào danh sách các yếu tố có ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp được tóm tắt trong bảng 2, một bảng câu hỏi được thiết kế bao gồm 5 nhóm yếu tố: Sự cam kết của quản lý cấp cao, hướng đến khách hàng, quản lý sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, mối quan hệ trong doanh nghiệp và các yếu tố trong từng nhóm trên. Dựa vào bảng câu hỏi, qua thảo luận, các chuyên gia và nhà quản lý được yêu cầu đánh giá và xếp hạng mức độ quan trọng của từng yếu tố theo 5 mức từ “rất quan trọng đến không quan trọng”, đồng thời

điều chỉnh, bổ sung thêm các yếu tố trong từng nhóm theo kinh nghiệm của họ. Kết quả của nghiên cứu định tính cho thấy tính phù hợp của mô hình đề nghị, mô hình này bao phủ khá toàn diện các yếu tố về quản lý trong một doanh nghiệp sản xuất. Đây là cơ sở cho nghiên cứu định lượng trong bước sau.

Bảng 3.Danh sách những người trả lời trong nghiên cứu định tính ở Tp HCM

Stt	Vị trí công tác	Ngành	Loại doanh nghiệp
1	Chuyên gia	Dệt may	Nhà nước
2	Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Dệt may Việt Nam	Dệt may	Nhà nước
3	Chủ tịch Hội đồng quản trị -Tổng Giám đốc	May	Công ty cổ phần
4	Quản lý sản xuất - kinh doanh	May	Công ty cổ phần
5	Quản lý sản xuất	May	Công ty cổ phần
6	Trưởng phòng kinh doanh	Dệt may	Công ty cổ phần
7	Phó Tổng Giám đốc	May	Công ty cổ phần
8	Chủ doanh nghiệp - Giám đốc	May	Trách nhiệm hữu hạn

Bảng 4. Kết quả nghiên cứu định tính ở

Tp Hồ Chí Minh

Stt	Nhóm yếu tố	Các yếu tố trong nhóm
1	Sự cam kết của quản lý cấp cao	<ul style="list-style-type: none"> - Sự quan tâm và hỗ trợ của lãnh đạo - Sự khuyến khích của lãnh đạo - Kiểm soát tài chính - Kiểm soát hệ thống thông tin - Phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp - Cung cấp các nguồn lực đầy đủ - Bảo vệ môi trường
2	Hướng đến khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng sản phẩm - Giá sản phẩm - Giao hàng đúng hạn - Thời gian đáp ứng đơn hàng
3	Quản lý sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện làm việc (vật lý) - Kế hoạch sản xuất - Công nghệ - Năng lực của các nhà quản lý cấp trung - Sự phối hợp giữa các công đoạn trong sản xuất
4	Quản trị nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục và đào tạo - Chính sách khuyến khích khen thưởng - Thu nhập của người lao động - Duy trì nguồn nhân lực - Sự thỏa mãn với công việc
5	Mối quan hệ trong doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Mối quan hệ giữa quản lý - nhân viên - Sự tham gia và hợp tác của người lao động - Sự truyền thông trong doanh nghiệp - Tự quản lý và kiểm soát công việc - Sự cộng tác và làm việc nhóm

4. KẾT LUẬN

Bài viết này trình bày một mô hình lý thuyết gồm năm nhóm yếu tố ảnh hưởng đến năng suất doanh nghiệp, đó là: Sự quan tâm của quản lý cấp cao, hướng đến khách hàng, quản trị nguồn nhân lực, quản lý sản xuất và văn hóa doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu định tính nhằm điều chỉnh và bổ sung các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất đối với các doanh nghiệp dệt may, đây là ngành sản xuất có tỷ lệ thâm dụng lao động cao nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, từ kết quả nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu định tính, các giả thuyết nghiên cứu cũng đã được đề nghị. Để kiểm định mô hình nghiên cứu và các giả thuyết, bước tiếp theo chúng tôi sẽ thực hiện một nghiên cứu định lượng. Dữ liệu phục vụ cho việc kiểm định sẽ được thu thập từ các doanh nghiệp sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

MANAGERIAL FACTORS INFLUENCING PRODUCTIVITY OF APPAREL MANUFACTURING ENTERPRISES IN HOCHIMINH CITY

Tran Thi Kim Loan, Bui Nguyen Hung
University of Technology, VNU-HCM

ABSTRACT: Productivity is playing a significant role in economic development of a nation. In the context of global and regional competition, productivity is critically important to industries in general and to firms/enterprises in a paucity. Especially, to developing countries, labour productivity is one of the most crucial determinants.

A number of existing literature have involved productivity and factors influencing productivity in different ways and perspectives. However, most past studies have examined productivity across developed countries which may have conditions differ significantly from those of developing countries such as Vietnam. Alternately, based on results/findings of the previous empirical studies, researchers have just proposed a portfolio of factors having an effect on firm productivity. Moreover, there is a lack of an appropriate theoretical model into and out of these works.

Therefore, this paper aims to bridge the gap in existing knowledge. The work introduces three sections. The first involves reviewing related literature on research topic. Seeking published and un published information relating to productivity area helps author to put forward a model which dig for main determinants to exert an impact on firm productivity. The second demonstrates quantitative research about key factors governing productivity of textile and garment firms/enterprises in Ho Chi Minh City. The last proposes a need for further research to test the recommended theoretical model.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Appelbaum, S.H., *A Case Study Analysis of the Impact of Satisfaction and Organizational Citizenship on Productivity*, Management Research News, Vol. 28 No. 5, pp. 1-26, (2005).
- [2]. Asian Productivity Organization, *Productivity in the new millennium*, APO News, May 2000. Available at <http://www.apo-tokyo.org/productivity/000video.htm>, (2000).

-
- [3]. Baines, A. *Productivity improvement*, Work Study, Vol. 46 No.2, pp. 49-51, (1997).
- [4]. Bheda, R., Narag, A.S. & Singla, M.L. *Apparel manufacturing: a strategy for productivity improvement*, Journal of Fashion Marketing and Management, Vol. 7 No. 1, pp.12-22, (2003).
- [5]. Burton, R.M., Lauridsen, J. & Obel, B. *The impact of organizational climate and strategic fit on firm performance*, Human Resource Management, Vol. 43, No.1, pp. 67-81, (2004).
- [6]. Chapman, R. & Al-Khawaldeh, K., *TQM and labour productivity in Jordanian industrial companies*, The TQM Magazine, Vol. 14 No. 4, pp. 248-262, (2002).
- [7]. Chang, C., Lee, C. & Lee, T. *Quality/productivity practices and company performance in China*, International Journal of Quality & Reliability Management, Vol.18 No. 6, pp. 604-625, (2001).
- [8]. Chen, L. & Liaw, S. *Investigating resource utilization and product competence to improve production management*, International Journal of Operation & Production Management, Vol.21 No. 9, pp. 1180-1194, (2001).
- [9]. Chen, L. & Liaw, S. *Measuring performance via production management: a pattern analysis*, International Journal of Productivity and Performance Management, Vol. 55 No. 1, pp. 79-89, (2006).
- [10]. Chen, L., Liaw, S. & Lee, T. *Using an HRM pattern approach to examine the productivity of manufacturing firms – an empirical study*, International Journal of Manpower, Vol. 24 No. 3, pp. 299-318, (2003).
- [11]. Golhar, D.Y. & Deshpande, S.P. *Productivity comparisons between Canadian and US TQM firms: an empirical investigation*, International Journal of Quality & Reliability Management, Vol. 16 No. 7, pp. 714-722, (1999).
- [12]. Gyan-Baffour, G., *The effects of employee participation and work design on firm performance: a managerial perspective*, Management Research News, Vol. 22 No. 6, pp. 1-12, (1999).
- [13]. Hoffman & Mehra, *Operationalizing productivity improvement programs through total quality management*, International Journal of Quality & Reliability Management, Vol.16 No. 1, pp. 72-84, (1999).
- [14]. Khan, J.H., *Impact of Total Quality Management on Productivity*, The TQM Magazine, Vol. 15 No. 6, pp. 374-380, (2003).
-

- [15]. McKone, K.E., Schroeder, R.G. & Cua, K.O., *The impact of total productive maintenance practices on manufacturing performance*, Journal of Operations Management, Vol. 19, pp. 39-58, (2001).
- [16]. Park, Y.H. & Miller, D.M. *Multi-factor analysis of firm-level performance through feed-forward, feed-back relationship*, proceeding of the 1998 Winter Simulation Conference, D.J. Medeiros, E.F. Watson, J.S. Carson and M.S. Manivannan, eds, pp. 1519-1525, (1998).
- [17]. Politis, J.D. *Dispersed leadership predictor of the work environment for creativity and productivity*, European Journal of Innovation Management, Vol. 8 No. 2, pp. 182-204, (2005).
- [18]. Rahman, S. *A comparative study of TQM practice and organisational performance of SMEs with and without ISO 900 certification*, International Journal of Quality & Reliability Management, Vol.18 No. 1, pp. 35-49, (2001).
- [19]. Savery, L.K., *Management and productivity increases*, Journal of Management Development, Vol. 17 No. 1, pp. 68-74, (1998).
- [20]. Sauian, M., *Labour productivity: an important business strategy in manufacturing*, Integrated Manufacturing Systems, Vol. 13 No. 6, pp. 435-438, (2002).
- [21]. Stainer, A. *Productivity management: the Japanese experience*, Management Decision, Vol. 33 No. 8, pp. 4-12, (1995).
- [22]. Steenhuis & Bruijn, *International shopfloor level productivity differences: an exploratory study*, Journal of Manufacturing Technology Management, Vol. 17 No. 1, pp. 42-55, (2006).
- [23]. Schultz, K.L., Juran, D.C. & Boudreau, J.W., *The Effects of Low Inventory on the Development of Productivity Norms*, Management Science, Vol. 45 No. 12, pp. 1664-1678.
- [24]. Sumanth, J. *Total Productivity Management (TPmgt): A Systemic and Complete in Quality, Price and Time*, Amazon, (1999).
- [25]. Tangen, S., *Demystifying productivity and performance*, International Journal of Productivity and Performance Management, Vol. 54 No. 1, pp. 34-46, (2005).